

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 36/2021/DS-ST

Ngày 26-02-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2. Ông Phạm Ngọc Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2020/TLST-DS, ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1984.

Cư trú: đường T, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: 1. Ông Lưu Danh R, sinh năm 1973.

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1994.

Cùng cư trú: đường R, khóm X, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H trình bày:

Do quan hệ quen biết, bà H có cho vợ chồng ông Lưu Danh R và bà Nguyễn Thị Cẩm H vay số tiền 700.000.000 đồng theo hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền) ngày 20/01/2020, thỏa thuận lãi suất 05%/tháng, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng, thời hạn trả tiền sau 02 tuần kể từ ngày vay. Tuy nhiên, khi đến hạn ông R, bà H không thực hiện đúng như cam kết mà xin đóng lãi hàng tháng và được bà H đồng ý. Ông R và bà H đóng lãi được 04 tháng với số tiền 140.000.000 đồng và từ đó đến nay không trả nữa mặc dù bà H đã liên hệ, gặp mặt nhiều lần để yêu cầu trả vốn và lãi.

Do ông R, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu ông R, bà H liên đới trách nhiệm trả cho bà số tiền 700.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 140.000.000 đồng (số tiền lãi bà đã nhận), đồng ý khấu trừ số tiền này vào 700.000.000 đồng vốn, bà chỉ yêu cầu ông R, bà H liên đới trả 560.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Lưu Danh R và bà Nguyễn Thị Cẩm H đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu H. Tại phiên tòa, ông R và bà H tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu H, buộc ông Lưu Danh R và bà Nguyễn Thị Cẩm H liên đới trách nhiệm trả cho bà H số tiền 560.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 140.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị Thu H khởi kiện ông Lưu Danh R và bà Nguyễn Thị Cẩm H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông R và bà H cư trú tại đường R, khóm X, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân

dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do, nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Bùi Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ông Lưu Danh R và bà Nguyễn Thị Cẩm H liên đới trả số tiền 700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là bản chính hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền) ngày 20/01/2020 do ông Lưu Danh R và bà Nguyễn Thị Cẩm H ký và ghi rõ họ tên người nhận tiền.

Tại phiên tòa, bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 140.000.000 đồng, chỉ yêu cầu ông R và bà H liên đới trả 560.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 140.000.000 đồng.

Về hợp đồng vay tài sản giữa bà H với ông R và bà H, bà H trình bày khi xác lập hợp đồng vay giữa các bên có thỏa thuận lãi suất 05%/tháng và thời gian trả sau 02 tuần kể từ ngày vay. Tuy nhiên, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc thỏa thuận này nên căn cứ vào hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền) ngày 20/11/2017 để xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Lưu Danh R và bà Nguyễn Thị Cẩm H đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập. Ông R, bà H cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy ông, bà đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền) ngày 20/01/2020 để chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc ông R và bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền 560.000.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Lưu Danh R và bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà Bùi Thị Thu H được nhận tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 357, 463; 466 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu H đối với ông Lưu Danh R và bà Nguyễn Thị Cẩm H.

Buộc ông Lưu Danh R và bà Nguyễn Thị Cẩm H liên đới trả cho bà Bùi Thị Thu H 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng).

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Lưu Danh R và bà Nguyễn Thị Cẩm H trả số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Ông Lưu Danh R và bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 26.400.000 đồng (hai mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị Thu H được nhận lại 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005645, ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPL;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPL;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Hà Thị Chiền